

B Đại, ngày 24 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 366/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: **Trần Thanh H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T T T, tỉnh T G.

- Bị đơn: **Trương Thị C**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 4 (Tân Định), xã Đ T, huyện B Đ, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh H và chị Trương Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Thanh H và chị Trương Thị C thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung:

+ Cháu Trần Thị Trúc L, sinh ngày 08/9/2000 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

+ Anh Trần Thanh H được nuôi con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 07/7/2006, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu B.

Ghi nhận sự tự nguyện anh H nuôi con chung không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: anh Trần Thanh H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000845 ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đại. Vậy anh Trần Thanh H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện B Đại;
- Chi cục THADS huyện B Đại;
- UBND xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (Số 54, ngày 14/10/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu